

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 221/2019/HNGĐ-ST

Ngày 29 - 11 - 2019

“Về việc L hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU**

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Tính

Các vị Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Màm

Ông Bùi Hữu Khánh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thanh Vũ - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Cà Mau.

Trong ngày 29 tháng 11 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Cét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 420/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2019. Về việc “L hôn và con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 394/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lê Khánh L, sinh năm 1983 (Có mặt)

Địa chỉ: ấp Thị Tường B, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Nguyễn Văn T, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Thị Tường B, xã Hòa Mỹ, huyện C, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 03/9/2019 và các lời khai của nguyên đơn chị Lê Khánh L trình bày:*

Về hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn ngày 03/10/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2016 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh T không lo gia đình, vợ chồng thường cự cãi nhau, vợ chồng sống L thân từ đầu tháng 4 năm 2019 đến nay, việc mâu thuẫn được hai bên cha mẹ hàn gắn nhưng anh T không thay đổi. Chị L xét thấy vợ chồng sống không còn hạnh phúc nữa nên chị L

yêu cầu xin L hôn với anh T.

Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng chung sống có 03 con chung tên là Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 23/10/2006; Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 19/3/2008; Nguyễn Phát Đạt, sinh ngày 08/4/2014. Hiện các con đang sống với chị L, sau khi L hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L trình bày vợ chồng chung sống không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị L trình bày vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn T, sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã thông báo cho anh T biết về nội dung yêu cầu tại đơn khởi kiện ngày 11/9/2019 nhưng anh T không có ý kiến gì. Tòa án triệu tập họp lệ anh T để tham gia phiên hòa giải đến lần thứ hai nhưng anh T không đến và cũng không có văn bản gì gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị L. Tòa án triệu tập xét xử họp lệ đến lần thứ hai nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Xét thấy bị đơn anh Nguyễn Văn T có nơi cư trú trên địa bàn huyện C, tỉnh Cà Mau nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Xét đơn của chị Lê Khánh L khởi kiện xin L hôn với anh Nguyễn Văn T và yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con nên xác định quan hệ tranh chấp “L hôn và nuôi con” là đúng quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh T kết hôn ngày 03/10/2005 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Thành, thành phố Cà Mau nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Chị L cho rằng do anh T không lo gia đình, vợ chồng thường cự cãi nhau, vợ chồng sống L thân từ đầu tháng 4 năm 2019 đến nay, việc mâu

thuần được hai bên cha mẹ hàn gắn nhưng anh T không thay đổi nên chị L yêu cầu xin L hôn với anh T. Đối với anh T Tòa án đã triệu tập hợp lệ hòa giải và triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng anh T vắng mặt không lý do, đồng thời anh T cũng không có văn bản về ý kiến của mình gửi đến Tòa án chứng tỏ anh T đồng ý với yêu cầu của chị L. Hội đồng xét xử xét thấy, chị L và anh T đã L thân từ tháng 4 năm 2016 đến nay thời gian dài, mâu thuẫn của anh chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho chị L được L hôn với anh T là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị L trình bày vợ chồng có 03 con chung tên là Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 23/10/2006; Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 19/3/2008; Nguyễn Phát Đạt, sinh ngày 08/4/2014. Hiện các con đang sống với chị L, sau khi L hôn chị L yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng các con, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, các cháu đã sống với chị L từ nhỏ cho đến nay đã ổn định về tinh thần cũng như các điều kiện khác. Do đó, yêu cầu tiếp tục giao con cho chị L nuôi dưỡng là có cơ sở nên được chấp nhận, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của cháu Nguyễn Tiến Đạt được thể hiện tại biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2019. Chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị L xác định vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị L thông nhất vợ chồng không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 28, 35, 39, 147, 266, 243, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 09, 14, 51, 56, 58, 81, 82 v 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận cho chị Lê Khánh L được L hôn với anh Nguyễn Văn T.

- Về con: Tiếp tục giao cháu Nguyễn Tiến Đạt, sinh ngày 23/10/2006; Nguyễn Thành Đạt, sinh ngày 19/3/2008; Nguyễn Phát Đạt, sinh ngày 08/4/2014

cho chị Lê Khánh L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên. Anh Nguyễn Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị L phải chịu án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng), chị L có dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0004756 ngày 05/9/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C được chuyển thu. Anh T không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai chị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với anh T vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- CC THA huyện C;
- Các đương sự;
- UBND xã Hòa Mỹ;
- Lưu HS-VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Minh Tính